

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025  
Nguồn vốn: Ngân sách thành phố quản lý  
(Kèm theo Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Danh mục dự án                                                                            | Địa điểm xây dựng | Th. gian KC-HT | Năng lực thiết kế | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư                        |                 | Quyết định đầu tư                                                                           |                 |             | Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố đã giao | Bổ sung kế hoạch đầu tư công 2021-2025 từ nguồn ứng trước ngân sách thành phố | Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 sau điều chỉnh | Chủ đầu tư                                       | Ghi chú         |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|       |                                                                                           |                   |                |                   | Số QĐ DADT; ngày/tháng/năm                                    | Tổng mức đầu tư | Số QĐ PD dự án; ngày/tháng/năm                                                              | Tổng mức đầu tư |             |                                                                      |                                                                               |                                               |                                                  |                 |
|       |                                                                                           |                   |                |                   |                                                               |                 |                                                                                             | Tổng số         | Tr.đó: NSTW |                                                                      |                                                                               |                                               |                                                  |                 |
|       |                                                                                           |                   |                |                   |                                                               |                 |                                                                                             |                 |             |                                                                      |                                                                               |                                               |                                                  |                 |
|       | TỔNG CỘNG                                                                                 |                   |                |                   |                                                               | 1.227.749       |                                                                                             | 1.214.628       | 40.000      | 500.000                                                              | 270.000                                                                       | 770.000                                       |                                                  |                 |
|       |                                                                                           |                   |                |                   |                                                               |                 |                                                                                             |                 |             |                                                                      |                                                                               |                                               |                                                  |                 |
| 1     | Cơ sở làm việc Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)                         | Huế               | 2021-2026      |                   | 2649/QĐ-BCA-H01 ngày 30/10/2019; 07 ngày 26/01/2024           | 799.000         | 2649/QĐ-BCA-H01 ngày 30/10/2019; 07 ngày 26/01/2024                                         | 799.000         | 40.000      | 400.000                                                              | 220.000                                                                       | 620.000                                       | Công an thành phố Huế                            | HT 2025         |
| 2     | Văn phòng làm việc một số cơ quan đơn vị thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) | Huế               | 2021-2025      |                   | 192 ngày 27/10/2015<br>38 ngày 28/2/2019<br>92 ngày 07/9/2022 | 428.749         | 2547 ngày 30/10/2017;<br>1408 ngày 10/6/2019<br>1772 ngày 20/7/2021<br>3234 ngày 30/12/2022 | 415.628         |             | 100.000                                                              | 50.000                                                                        | 150.000                                       | Ban QLDA ĐTXD và Phát triển đô thị thành phố Huế | Thanh toán KLHT |
|       |                                                                                           |                   |                |                   |                                                               |                 |                                                                                             |                 |             |                                                                      |                                                                               |                                               |                                                  |                 |

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
**Nguồn vốn: Ngân sách thành phố quản lý (nguồn tiết kiệm chi ngân sách thành phố năm 2024)**  
*(Kèm theo Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế)*

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | Danh mục dự án                                                                         | Địa điểm xây dựng | Th. gian KC-HT | Năng lực thiết kế | Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư |                 | Quyết định đầu tư              |                 |             | Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 nguồn vốn ngân sách thành phố đã giao | Bổ sung kế hoạch đầu tư công 2021-2025 từ nguồn tiết kiệm chi năm 2024 | Kế hoạch đầu tư công 2021-2025 sau điều chỉnh | Chủ đầu tư                          | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------|-------------------|----------------------------------------|-----------------|--------------------------------|-----------------|-------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------------------|---------|
|       |                                                                                        |                   |                |                   | Số QĐ DADT; ngày/tháng/năm             | Tổng mức đầu tư | Số QĐ PD dự án; ngày/tháng/năm | Tổng mức đầu tư |             |                                                                      |                                                                        |                                               |                                     |         |
|       |                                                                                        |                   |                |                   |                                        |                 |                                | Tổng số         | Tr.đó: NSTW |                                                                      |                                                                        |                                               |                                     |         |
|       |                                                                                        |                   |                |                   |                                        |                 |                                |                 |             |                                                                      |                                                                        |                                               |                                     |         |
|       | TỔNG CỘNG                                                                              |                   |                |                   |                                        | 234.560         |                                | 234.560         | 0           | 160.000                                                              | 33.484                                                                 | 193.484                                       |                                     |         |
| I     | Các dự án cấp thành phố quản lý                                                        |                   |                |                   |                                        | 234.560         | 0                              | 234.560         | 0           | 160.000                                                              | 33.484                                                                 | 193.484                                       |                                     |         |
| 1     | Tuyến đường dọc sông Hương(phía Nam)đoạn từ cầu Dã Viên đến đường Huyền Trân Công Chúa | T.Hóa             | 2023-2026      |                   | 34 ngày 8/5/2020<br>36 ngày 15/5/2021  | 221.328         | 2295 ngày 15/9/2021            | 221.328         |             | 160.000                                                              | 28.000                                                                 | 188.000                                       | Ban QLDA ĐTXD khu vực thành phố Huế |         |
| 2     | Hoàn thiện mô hình trung tâm dự phòng nóng tại Văn phòng UBND thành phố                | T.Hóa             | 2025-2027      |                   | 1480 ngày 23/5/2025                    | 13.232          |                                | 13.232          | 0           | 0                                                                    | 5.484                                                                  | 5.484                                         | Văn phòng UBND TP Huế               |         |
|       |                                                                                        |                   |                |                   |                                        |                 |                                |                 |             |                                                                      |                                                                        |                                               |                                     |         |